

Bản án số: **142/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 18 - 10 - 2024.

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Bùi Tuấn Khanh.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 211/2024/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc Mai**, sinh ngày 05/7/1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Vũ P**, sinh ngày 10/6/1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày **26/7/2024**, bản tự khai ngày **04/9/2024** và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Ngọc M** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh P tự quen biết tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, sau đó hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định

vào năm 1996. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P cờ bạc, đánh đập chị và thường ghen tuông nên vợ chồng cự cãi, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 06/2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung.

+ Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/11/1993.

+ Nguyễn Phương D, sinh ngày 14/6/2000.

Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2024, bị đơn anh Nguyễn Vũ P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Khoảng từ năm 2022 anh có nghi ngờ vợ anh có qua lại với người đàn ông khác, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, sống không hạnh phúc và ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến con cháu và gia đình, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để sống vì con vì cháu.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung.

+ Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/11/1993.

+ Nguyễn Phương D, sinh ngày 14/6/2000.

Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh P. Về con chung: Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu

Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến. Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Vũ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai** để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh P là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh P cưới nhau vào năm **1993** trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Long Định** vào năm **1996** theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P được công nhận hợp pháp.

Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý ly hôn. *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ **vụ án**, trong đó có lời khai của chị M, anh P **đều** xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thường ghen tuông, nên vợ chồng cự cãi, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc và đã **ly thân từ tháng 06, tháng 07/2024** cho đến nay.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời chị M và anh P để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị M và anh P đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của anh **và** chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp **nhận**.

[3]. *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên:

+ Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/11/1993.

+ Nguyễn Phương D, sinh ngày 14/6/2000.

Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị M và anh P khai thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung*: Chị M và anh P khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án*: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc M đối với anh Nguyễn Vũ P.

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc M và anh Nguyễn Vũ P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Ngọc M và anh Nguyễn Vũ P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Nguyễn Vũ P có 02 con chung tên:

1. Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/11/1993.

2. Nguyễn Phương D, sinh ngày 14/6/2000.

Hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số **0002029 ngày 30 tháng 7 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Bùi Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Chị Bùi Thị Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Vũ P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã **Long Định**
(Số 121, ngày 22/7/1996);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

